TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/KDTM-PT
Ngày: 26-5-2017
V/v tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Văn Tiếp**.

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Văn Lộc**

Ông **Vương Minh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Trúc**- Thư ký TAND tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Nguyễn Thị Huệ** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2016/TLPT-KDTM, ngày 05 tháng 12 năm 2016 về việc: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 11/2016/KDTM-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2017/QĐ-PT, ngày tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trụ sở chính: Đường M, phường N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà M - Chức vụ: Quyền giám đốc, theo văn bản ủy quyền số: 4908/TCQĐ-PC.12, ngày 13/9/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông H – chức vụ phó giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà T. Có mặt.

2.2. Ông X. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 11, đường Hùng Vương, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà T , địa chỉ đường D, phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2016).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông D. Có mặt.

3.2. Bà N. Có mặt.

3.3. Bà H (có đơn xin vắng mặt)

3.4. Ông P (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Ủy ban nhân dân thành phố L**.** (có đơn xin vắng mặt)

Trụ sở: Đường D, Phường C, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Chủ tịch.

3.6. Văn phòng Công chứng T.T; trụ sở đường M, Phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. Người làm chứng: Bà X, sinh năm 1969; địa chỉ Khóm A, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A và bị đơn bà T , ông X và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D, bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2015, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 15/8/2012 bà T và ông X có vay vốn của Ngân hàng số tiền 300.000.000đ, kỳ hạn vay 06 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T, ông X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà T, ông X phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử. Trường hợp ông D, bà T không khả năng thanh toán thì đề nghị phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2016 của bà T, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, bà C người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Bà thừa nhận số nợ mà ngân hàng trình bày là đúng, tuy nhiên, số nợ nêu trên là bà T, ông X vay dùm cho ông D, bà N, chứ không phải nợ của bà T và ông X, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T đứng tên là tài sản của ông D, bà N, do ông D, bà N

thiếu nợ bà T không có khả năng trả, nên đã đồng ý cho bà T sang tên và đứng tên dùm trên giấy chứng nhận, sau đó vay tiền Ngân hàng thì ông D, bà N đã trả tiền cho bà T xong, còn việc trả tiền lãi và thanh toán nợ gốc cho ngân hàng là trách nhiệm của ông D và bà N, vì đây thực chất là nợ của ông D bà N với ngân hàng. Do đó, bà đại diện cho bà T yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà N trả nợ thay cho bà T và ông X đối với ngân hàng TMCP A, với số tiền như Ngân hàng yêu cầu. Trường hợp ngân hàng không đồng ý thì buộc ông D, bà N trả nợ cho bà T cùng số lãi phát sinh để bà T thanh toán cho Ngân hàng, nếu không thực hiện yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Trong đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 05/5/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết, ông D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của đại diện phía bị đơn là đúng, ông thừa nhận số nợ đối với ngân hàng là của vợ chồng ông, còn bà T chỉ đứng tên trên giấy để vay tiền dùm ông, vì bà T có cơ sở kinh doanh nên vay được, sau khi vay tiền thì ông đã trả hết nợ cho bà T, cho nên hàng tháng ông có trách nhiệm đến Ngân hàng trả tiền lãi, nhưng do đến khi đáo hạn thì bà T không chịu ký tên để đáo hạn, nên Ngân hàng không cho vay dẫn đến không khả năng thanh toán. Do đó, ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp ngày 15/8/2012 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2012.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2016/KDTM-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 127; Điều 129; Điều 137; Điều 471; Điều 474 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

I. Về nội dung:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, có ông N làm đại diện.

Buộc bà T và ông X, có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A các khoản tiền gồm:

- Tiền vốn vay bằng: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

- Tiền lãi tổng cộng làm tròn bằng: 173.358.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Tổng cộng bằng: 473.358.000đ (Bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử (28/9/2016), bà T và ông X còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn (lãi do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng) trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Buộc ông D và bà N phải có trách nhiệm trả cho bà T và ông X số tiền 473.358.000đ (Bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D và bà N chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2012 giữa ông D, bà N với bà T , ông X , đối với phần đất thuộc thửa số 96; tờ bản đồ 03; diện tích 235,9m^2; tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: VIL.BĐCN-57140812, ngày 15/8/2012 giữa bà T, ông X với Ngân hàng thương mại cổ phần A, đối với phần đất thuộc thửa số 96; tờ bản đồ 03; diện tích 235,9m^2; tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Hộ ông D có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả , án phí và quyền kháng cáo của đương sự trong vụ án.

- Ngày 13/10/2016 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có quyết định kháng nghị số 06/2016/KNPT-DS đối với bản án kinh doanh thương mại số 11/2016/KDTM-ST, ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm.

- Ngày 12/10/2016 nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, nếu bà T và ông X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ bao gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa phần đất thuộc thửa số 96; tờ bản đồ 03; diện tích 235,9m^2; tọa lạc tại ấp A, xã B, thành phố Vĩnh Lon, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của bà T và ông X.

- Ngày 12/10/2016 bị đơn bà T và ông X có đơn kháng cáo với nội dung: Ông bà không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc ông D và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng TMCP A số tiền 473.358.000

đồng, không vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp tài sản. yêu cầu xem xét tính lại mức lãi suất mà phía nguyên đơn yêu cầu.

- Ngày 09/10/2016 ông D và bà N có đơn kháng cáo với nội dung: Ông bà không đồng ý với bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chỉ buộc ông bà trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi 1,25% tháng kể từ tháng 11/2015 cho đến ngày 28/9/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Phía nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý cho bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D rút toàn bộ yêu cầu độc lập và rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tất cả các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể như sau:

- Đại diện cho nguyên đơn ông H yêu cầu bà T, ông X, ông D và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng A số tiền gốc là 205.000.000 đồng và lãi tính dến gày 26/5/2017 là 274.721.000 đồng tổng cộng vốn và lãi là 419.721.000 đồng và tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong hợp đồng đã ký kết trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 26/5/2017. Sau thời hạn 04 tháng nếu không thanh toán hết số nợ thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình vật kiến trúc có trên đất để trả nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà T, ông X do bà T làm đại diện theo ủy quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà N đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn bà T, ông X do bà T làm đại diện rút lại toàn bộ đơn phản tố và đơn kháng cáo. Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông D, bà N đồng ý việc bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

- Ông D rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập phía nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N đồng ý việc ông D rút yêu cầu độc lập.

- Về án phí kinh doanh sơ thẩm: Ông D, bà N, bà T, ông X có bà T làm đại diện theo ủy quyền đồng ý nộp án phí sơ thẩm.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu: Hội đồng xét xử cũng như thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tịa phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo, bà N cũng đã rút toàn bộ kháng cáo, do đó Viện kiểm sát cũng rút lại toàn bộ kháng nghị. Đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các qui định của pháp luật không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Xét việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn và việc rút yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và được sự dồng ý của tất cả các đương sự về việc rút yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Việc rút yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác nên hủy một phần bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 02 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 217, 299, 300 BLTTDS.

Tuyên xử:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+ Buộc bà T, ông X do bà T làm đại diện, ông D, bà N liên đới trả cho nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/5/2017 là 419.721.750 đồng trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày 26/5/2017. Hết thời hạn 04 tháng mà bà T, ông X, bà N, ông D chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên thì bà T, ông X, ông D, bà N phải giao tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số VIL.BĐCN.57140812 ngày 18/8/2012 là phần đất thuộc thửa số 96; tờ bản đồ 03; diện tích 235,9m^2 và ông D, bà N giao tài sản là căn nhà gắn liền với đất hiện gia đình ông D, bà N đang sinh sống cùng tọa lạc tại ấp

A, xã B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long cho ngân hàng để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho ngân hàng và buộc bà T, ông X, ông D và bà N tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc ông D, bà N , bà T, ông X phải nộp số tiền 20.788.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông D và bà N số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001685, ngày 11/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long

Hoàn trả cho bà T và ông X số tiền 10.175.500đ (Mười triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0001673, ngày 06/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Hoàn trả cho ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bằng 10.179.000đ (Mười triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 028272 ngày 17/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

- Về án phí phúc thẩm:

+ Buộc bà T, ông X phải nộp số tiền 200.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0002027 ngày 12/10/2016 như vậy hoàn trả lại cho bà T và ông X số tiền 200.000 đồng.

+ Buộc ông D và bà N nộp số tiền 200.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 002018 ngày 10/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long như vậy hoàn trả lại cho ông D, bà N số tiền 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 306 của Luật Thương mại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TpVl: 01;
- Chi Cục THADS tpVL: 01;
- Các Đ/s: 12
- Lưu: 04.

Cao Văn Tiếp